TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Kim Bằng

2. Ông Trần Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1989.*

Địa chỉ: khu vực 2, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984.*

Địa chỉ: khu vực 2, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu vực 2, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L.

Trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn ông T vắng mặt; bà M và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- *Nguyên đơn bà Huỳnh Kim P trình bày*: Tôi và anh Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Vị Thanh năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh T

Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Minh L (nam), sinh ngày 30/11/2014. Hiện con đang sống với chị P, sau khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Minh L và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Nay bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là một sổ tiết kiệm do ông Nguyễn Minh T đứng tên số tiền 150.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Kiên L, chi nhánh Hậu Giang. Tại đơn yêu cầu ngày 16/12/2022, bà P rút lại yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung này, do vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2012, vợ chồng bà có mượn của bà Lê Thị M số tiền 120.000.000 đồng, yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới trả số nợ này.

- *Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày*: Ông và bà Huỳnh Kim P có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như bà P trình bày. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà P vì ông còn thương vợ con, muốn hàn gắn cùng bà P.

Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 30/11/2014. Nếu phải ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị M trình bày: Bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ của bà trong vụ án này và đề nghị giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng.

2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L: Hiện nay, ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Kim P khởi kiện ông Nguyễn Minh T địa chỉ khu vực 2, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn, nuôi con, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp là "ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt nên Tòa án T hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim P và ông Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sơ tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà P và ông T có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà P do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi; ông T cho rằng, chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, ông còn thương vợ con nên không muốn ly hôn. Tòa án đã T hành hòa giải, hàn gắn các bên nhưng không thành, tại phiên tòa bà P kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của bà P và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P ly hôn ông T là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 30/11/2014. Bà P có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; ông T có ý kiến con muốn theo ai thì người đó nuôi dưỡng; và con chung có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà P nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà P rút lại yêu cầu chia tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận. Nên đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị M hiện không có yêu cầu gì trong vụ án này và bà P và ông T không có tranh chấp gì. Nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị P phải chịu 300.000đồng, được chuyển 2.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001678 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà P được nhận lại số tiền 1.875.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim P

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh D (giới tính: nam), sinh ngày 30/11/2014 cho bà Huỳnh Kim P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Minh T không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Minh T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do bà P không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Huỳnh Kin P phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 2.175.000 đồng (*hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0001678 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí, Bà P được nhận lại số tiền 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quan THADS Tp V;

- UBND phường V, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương